

5. Lao động nước ngoài phải nộp lệ phí cấp giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các doanh nghiệp quy định tại điểm 1.b, c Mục I của Thông tư này có nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài), các doanh nghiệp, tổ chức khác có nhu cầu sử dụng lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài chỉ phải làm hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, không phải xin phép và có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư cho phép tuyển.

2. Người sử dụng lao động đang sử dụng lao động nước ngoài tại Việt Nam chưa có giấy phép lao động, thẻ lao động trong thời hạn 5 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, phải làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động theo quy định của Nghị định số 58-CP và Thông tư này.

Lao động nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam đã được cấp thẻ lao động hoặc giấy phép lao động có thời hạn dưới 3 năm thì tiếp tục được sử dụng cho đến hết thời hạn.

Trường hợp thẻ, giấy phép lao động được cấp có thời hạn trên 3 năm mà thời hạn hiệu lực còn 2 năm nữa kể từ ngày 3 tháng 10 năm 1996 hoặc không xác định thời hạn hiệu lực thì người sử dụng lao động và người lao động phải làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động.

3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 58-CP, Thông tư này và sự ủy quyền bằng văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; theo dõi quản lý lao động nước ngoài làm việc tại địa phương; hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TRẦN ĐÌNH HOAN

QUYẾT ĐỊNH số 178-LĐTBXH/QĐ ngày 18-3-1997 về việc in, phát hành và quản lý giấy phép lao động cấp cho người nước ngoài.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 96-CP ngày 7-12-1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 58-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ về cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức ở Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp và Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này mẫu giấy phép lao động để cấp cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.⁽¹⁾

Điều 2.- Giấy phép lao động có kích thước 11 x 15cm gồm 4 trang; trang 1 và trang 4 có màu xanh hòa bình, tráng nhựa. Nội dung của trang 1 từ trên xuống như sau: ở trên là quốc hiệu; dưới là hình quốc huy; tiếp theo là dòng chữ: giấy phép lao động bằng tiếng Việt (ở trên) và tiếng Anh (ở dưới); dưới cùng là dòng chữ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bằng tiếng Việt (ở trên), tiếng Anh (ở dưới). Trang 2 và trang 3 có nền màu trắng, hoa văn màu xanh nhạt, ở giữa có hình ngôi sao.

Điều 3.- Giao cho Vụ Tổng hợp và Pháp chế in ấn giấy phép lao động, mẫu hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, thống nhất quản lý giấy phép lao động và cấp phát cho các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Việc cấp phát mẫu giấy phép lao động, mẫu hồ sơ được thu phí, bao gồm: giá thành in giấy phép và vận chuyển.

(1) Không in mẫu giấy phép lao động

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày 2 tháng 4 năm 1997.

Bãi bỏ các mẫu thẻ nhân viên, thẻ lao động do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
TRẦN ĐÌNH HOAN

THÔNG TƯ số 10-LĐTBXH/TT ngày 25-3-1997 hướng dẫn việc tổ chức, hoạt động của Hội đồng hòa giải cơ sở, hòa giải viên lao động của cơ quan lao động quận, huyện, thành phố, thị xã, thị trấn thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Chương XIV của Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về tổ chức, hoạt động và thủ tục giải quyết tranh chấp lao động của Hội đồng hòa giải cơ sở, hòa giải viên lao động quận, huyện, thị xã, thị trấn thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng:

Những doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên không phân biệt thành phần kinh tế, kể cả những doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc của các Liên hiệp xí nghiệp, Tổng công ty nhà nước phải thành lập Hội đồng hòa giải lao động cơ sở.

2. Những đơn vị sau đây không phải thành lập Hội đồng hòa giải lao động cơ sở:

- Doanh nghiệp sử dụng dưới 10 người lao động thuộc các thành phần kinh tế;

- Các cơ quan hành chính sự nghiệp Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội, các hợp tác xã có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;

- Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế; các văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế, nước ngoài; tổ chức kinh tế quốc tế, nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, nước ngoài khác có sử dụng lao động là người Việt Nam.

Khi tranh chấp lao động xảy ra ở các đơn vị nói trên thì hòa giải viên của cơ quan lao động cấp huyện là người có thẩm quyền giải quyết.

II. TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG HÒA GIẢI CƠ SỞ

1. Thành phần của Hội đồng hòa giải gồm số đại diện ngang nhau của bên người sử dụng lao động và người lao động:

- Bên người sử dụng lao động là người sử dụng lao động hoặc người giữ chức vụ quản lý khác của doanh nghiệp do người sử dụng lao động cử làm đại diện.

- Đại diện của người lao động do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn lâm thời cử.

- Số lượng thành viên của Hội đồng hòa giải cơ sở ít nhất phải có 4 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký Hội đồng. Nhiệm kỳ của Hội đồng hòa giải cơ sở là 2 năm, đại diện của mỗi bên luân phiên làm Chủ tịch và Thư ký Hội đồng hòa giải cơ sở 6 tháng 1 lần kể từ ngày thành lập. Hội đồng hòa giải làm việc theo nguyên tắc thỏa thuận và nhất trí.

2. Thủ tục thành lập:

- Người sử dụng lao động hoặc Chủ tịch Công đoàn cơ sở chủ động đề xuất về việc thành lập Hội đồng hòa giải và số lượng thành viên tùy theo số lượng người lao động, tình hình tổ chức và quy mô sản xuất của doanh nghiệp, để người sử dụng lao động ra quyết định thành lập Hội đồng hòa giải cơ sở. Trong quyết định ghi rõ họ tên của từng thành viên, Chủ tịch và Thư ký của Hội đồng hòa giải.

Quyết định phải được gửi ngay về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và các thành viên của Hội đồng hòa giải.